

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2018/HS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Kim Dung;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại- Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên
tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Thu H, sinh ngày 02/6/1976 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Khu đô thị H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công C và bà Trần Thị T; chồng: Chưa có; có 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2017 (có mặt).

Người bị hại: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1965; đăng ký hộ khẩu: P510 A2, tổ 3, phường C, quận Nam T, Hà Nội; nơi ở: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Anh Vũ Thế A, sinh năm 1987; nơi ở: Xã H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)..

3. Anh Lê Quang T, sinh năm 1980; nơi ở: Khu T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái làm phương tiện đi lại, khoảng 11 giờ ngày 04/02/2017, Trần Thu H và anh Phạm Văn K làm Hợp đồng cho H thuê xe ô tô, BKS 30E-597.4X, nhãn hiệu INOVA G, màu ghi bạc thời gian thuê 01 tháng, kể từ ngày 04/02/2017 đến 04/03/2017, giá thuê xe là 600.000,đ/ngày, Hà trả trước cho anh K 10.000.000,đ. Do tin tưởng, anh K giao xe ô tô kèm theo các giấy tờ gốc gồm: 01 đăng ký, 01 đăng kiểm, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe đều mang tên Phạm Văn K. H giao cho anh K 01 sổ hộ khẩu và 01 chứng minh thư (công chứng) mang tên Trần Thu H để làm tin. H sử dụng xe đi lại đến khoảng 08 giờ ngày 15/02/2017, do không có tiền tiêu xài cá nhân, H nảy sinh ý định bán chiếc xe nên điện thoại bảo có xe ô tô muốn bán cho anh Nguyễn Đăng T, anh T đồng ý mua xe và đến nhà H xem xe ô tô rồi thỏa thuận mua bán xe với giá 450.000.000,đ, H viết 01 giấy bán xe cho anh T rồi giao xe và giấy tờ gốc của xe cho anh T. Ngày 04/3/2017, để tạo lòng tin cho anh K, H chuyển trả 8.000.000,đ tiền thuê xe vào tài khoản của anh K và tiếp tục xin gia hạn thuê thêm 15 ngày là đến ngày 21/3/2017, anh K đồng ý. Đến ngày 21/3/2017, H tiếp tục chuyển cho anh K số tiền gia hạn thuê xe là 9.000.000,đ. Tổng số tiền H trả tiền thuê xe cho anh K là 27.000.000,đ. Sau đó, H tiếp tục xin gia hạn thuê xe nhưng anh K không đồng ý và nhiều lần yêu cầu H trả xe nhưng H khất lần, trốn tránh không trả xe cho anh K. Số tiền bán xe H tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng trả lại xe cho anh K.

Sau khi anh Nguyễn Đăng T mua xe ô tô BKS 30E-597.4X của Trần Thu H, khoảng 14 giờ ngày 15/02/2017, do cần gấp tiền nên anh T bán xe cho anh Vũ Thế A với giá 320.000.000,đ, kèm theo giấy tờ gốc của xe. Sau đó anh Thế A nhờ 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ, thường gọi là “cò”) kiểm tra tình trạng xe tại phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội thấy xe không có tranh chấp gì. Ngày 02/4/2017, anh Thế A bán chiếc xe ô tô trên cho anh Lê Quang T, với giá 342.000.000,đ, kèm theo giấy tờ gốc của xe. Ngày 10/5/2017, anh T bán lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn T với giá 400.000.000,đ. Đồng thời anh T nhờ 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ, thường gọi là “cò”) làm thủ tục di chuyển vùng và sang tên đổi chủ cho xe ô tô BKS 30E-597.4X. Ngày 24/4/2017, Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội nhận hồ sơ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản gốc); Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa bên bán là anh Phạm Văn K, địa chỉ 510 A2, Tổ 3, phường C, Quận Nam T, thành phố Hà Nội, bên mua là anh Nguyễn Nhân S,

sinh năm 1984, địa chỉ thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình, lời chứng hợp đồng của Văn phòng công chứng Ngọc Ban, địa chỉ số nhà 88, đường Đặng Xuân Bảng, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau đó Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp phiếu đồng ý sang tên di chuyển vùng cho tên chủ xe mới là Nguyễn Nhân S và tiếp tục nhận hồ sơ làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với xe ô tô BKS 30E-597.4X gồm các tài liệu: Toàn bộ hồ sơ chuyển vùng xe và Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa bên bán là anh Nguyễn Nhân S, bên mua là anh Nguyễn Văn T, lời chứng hợp đồng của Văn phòng công chứng Ngọc Ban, địa chỉ số nhà 88, đường Đặng Xuân Bảng, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ngày 11/5/2017, Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký và BKS xe ô tô là 30E-496.09 mang tên Nguyễn Văn T.

Ngày 23/01/2018, anh T giao nộp xe ô tô và đăng ký xe cho Cơ quan điều tra.

Ngày 20/6/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên quyết định trưng cầu định giá chiếc xe ô tô BKS BKS 30E-597.4X. Tại Kết luận định giá tài sản số 128/KL-HĐĐG ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên kết luận trị giá chiếc xe trên là 360.000.000,đ.

Ngày 16/5/2017, anh Nguyễn Đăng T giao nộp 01 giấy bán xe ô tô BKS 30E-597.4X, đề ngày 15/02/2017, tên người bán xe là Trần Thu H, giá bán là 450.000.000,đ.

Ngày 20/5/2017, anh Phạm Văn K giao nộp 01 Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái BKS 30E-597.4X, đề ngày 04/02/2017, tên người thuê là Trần Thu H.

Ngày 19/3/2018, anh Vũ Thế A giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 20.000.000,đ là tiền do chênh lệch bán xe ô tô BKS 30E-597.4X cho anh Lê Quang T mà có và giấy bán xe giữa anh T và anh Thế Anh.

Ngày 25/5/2017, Cơ quan điều tra công an thành phố Vĩnh Yên trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Trần Thu H viết trong Hợp đồng thuê xe tự lái và trong Giấy bán xe đã thu giữ ở trên. Tại Kết luận giám định số 501/KLGD ngày 01/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thu H trên Hợp đồng thuê xe đề ngày 04/02/2017 và trên Giấy bán xe đề ngày 15/02/2017 so với chữ ký, chữ viết của Hà trên các tài liệu mẫu so sánh đều do một người viết và ký ra”*. Kết quả giám định xác định Trần Thu H là người đã viết và ký vào Hợp đồng thuê xe và giấy bán xe.

Ngày 16/6/2017, Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội bàn giao hồ sơ gốc xe ô tô BKS 30E-496.0X (sau khi xe đã sang tên đổi chủ) cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên gồm: 01 đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Văn K (bị cắt góc); 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày

26/12/2016, bên bán là Nguyễn Huy A, bên mua là anh Phạm Văn K; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 21/4/2017, bên bán là anh Phạm Văn K, bên mua là Nguyễn Nhân S; 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày 11/5/2017, bên bán là anh Nguyễn Nhân S, bên mua là Nguyễn Văn T; 01 phiếu sang tên di chuyển; 01 giấy khai đăng ký xe đề ngày 11/5/2017 và một số giấy tờ khác.

Ngày 20/6/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Phạm Văn K viết trong Hợp đồng bán xe đề ngày 21/4/2017 (người mua là anh Nguyễn Nhân S). Tại Kết luận giám định số 635/KLGD ngày 30/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Chữ ký, chữ viết tại mục “CHỮ XE” trên Hợp đồng bán xe đề ngày 21/4/2017 so với chữ ký, chữ viết của anh K trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người viết và ký ra”*. Qua giám định xác định xác định anh Phạm Văn K không ký vào Hợp đồng bán xe cho Nguyễn Nhân S.

Ngày 01/3/2018, Cơ quan điều tra công an thành phố Vĩnh Yên trưng cầu giám định số khung, số máy nguyên thủy của ô tô BKS 30E-496.0X. Tại kết luận giám định số 283/KLGD ngày 06/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Số khung, số máy của chiếc xe ô tô gửi giám định không bị tẩy xóa, sửa chữa, số nguyên thủy là số khung RL4XW43G279216436, số máy 1TR6426201”*. Qua giám định xác định số khung, số máy nguyên thủy trên là của ô tô BKS 30E-597.4X, chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn K.

Tại Cáo trạng số: 59/CT-VKSNDVY-VP ngày 09/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Trần Thu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Trần Thu H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên (từ bút lục 144 đến bút lục 200).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thu H từ 08 năm đến 08 năm 6 tháng tù; Áp dụng khoản 2 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoảng 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự năm 2015: Xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại anh Phạm Văn K 01 xe ô tô nhãn hiệu INOVA G, có số khung RL4XW43G279216436, số

máy ITR6426201 là hợp pháp. Trả lại cho anh Lê Quang T số tiền 20.000.000đ (là tiền của anh Vũ Thế A giao nộp).

Buộc anh Nguyễn Đăng T phải hoàn trả lại cho anh Vũ Thế A số tiền 320.000.000,đ, anh Vũ Thế A phải hoàn trả lại cho anh Lê Quang T số tiền 342.000.000,đ (được trừ đi 20.000.000,đ đã nộp cho Cơ quan điều tra); Trần Thu H phải bồi thường cho anh T số tiền 450.000.000,đ.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thu H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 04/02/2017, tại nhà ở của Trần Thu H, lợi dụng sự tin tưởng của anh Phạm Văn K, Hà thuê xe ô tô tự lái BKS 30E-597.4X, nhãn hiệu INOVA G, màu ghi bạc của anh K, mục đích để đi lại. Đến ngày 15/02/2017, do không có tiền tiêu xài nên Hà đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Đăng T được 450.000.000,đ H đã tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng trả lại xe cho anh K. Trị giá tài sản Trần Thu H chiếm đoạt là 360.000.000,đ.

Hành vi của Bị cáo Trần Thu H lợi dụng sự tin tưởng của người khác giao tài sản cho mình sử dụng rồi bán lấy tiền tiêu xài không có khả năng trả lại tài sản đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm,

Tuy nhiên, theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 05/7/2017, thì hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo Trần Thu H đã phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm. Như vậy, mặc dù tội danh và khoản của điều luật quy định là như nhau, nhưng hình phạt tù theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là nhẹ hơn nên được vận dụng và áp dụng để có lợi cho người phạm tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương, làm nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 12 năm tù nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lợi dụng sự tin tưởng của người khác thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản tiêu xài cá nhân, coi thường pháp luật. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Đối với các anh Nguyễn Đăng T, Vũ Thế A, Lê Quang T, Nguyễn Nhân Sự, Nguyễn Văn T là những người mua đi bán lại xe ô tô BKS 30E-597.4X và đối với anh Nguyễn Nhân Slà người cho mượn chứng minh nhân dân, quá trình điều tra xác định, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với 02 hợp đồng bán xe đề ngày 21/4/2017 và 11/5/2017 để làm thủ tục chuyển vùng, sang tên đối với xe ô tô BKS 30E-597.4X, quá trình điều tra chưa xác định lai lịch cụ thể của đối tượng làm giả giấy tờ và hành vi này diễn ra ngoài địa bàn thành phố Vĩnh Yên, nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên tiếp tục điều tra, kiến nghị cơ quan thuộc thẩm quyền xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại của H đã dùng liên lạc với anh T để thỏa thuận bán xe, do Hà đã rơi mất, Cơ quan điều tra không thu được.

[4] Trách nhiệm dân sự: Ngày 25/3/2018 Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại xe ô tô BKS 30E-597.4X nhãn hiệu INOVA cho anh K(xe không có BKS). Sau khi nhận lại xe, anh K không yêu cầu về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Đăng T đã mua xe ô tô BKS 30E-597.4X của bị cáo Hà với giá 450.000.000,đ, sau đó anh T bán lại cho anh Vũ Thế A với giá 320.000.000,đ, anh Thế A bán lại xe cho anh Lê Quang T với giá 342.000.000đ, anh T bán lại xe cho anh Nguyễn Văn T 400.000.000,đ. Do anh T đã nộp xe cho Cơ quan điều tra, anh T đã trả lại cho anh T số tiền 400.000.000,đ, anh T nhận lại tiền và không yêu cầu về bồi thường dân sự. Nay anh Lê Quang T yêu cầu anh Vũ Thế A trả lại số tiền 342.000.000,đ. Anh Vũ Thế A yêu cầu anh Nguyễn Đăng T trả lại số tiền 320.000.000,đ và anh Nguyễn Đăng T yêu cầu bị cáo Trần Thu H phải bồi thường cho anh số tiền 450.000.000,đ.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh T 450.000.000,đ nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Buộc anh T hoàn trả lại cho anh Thế A 320.000.000,đ, anh Thế A hoàn trả lại cho anh T 342.000.000,đ (trừ đi 20.000.000,đ anh Thế A đã nộp cho Cơ quan điều tra), anh Thế A còn phải hoàn trả cho anh T số tiền 322.000.000,đ.

[5] Về vật chứng: Đối với số tiền 20.000.000,đ do anh Vũ Thế A giao nộp, quá trình điều tra xác định là tiền do anh Thế A bán xe ô tô BKS 30E-597.4X cho Trung mà có, nên trả lại cho anh Trung.

[6] Về án phí: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thu H 08 (Tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 31 tháng 8 năm 2017.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Thu H phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng T số tiền 450.000.000,đ.

- Buộc anh Nguyễn Đăng T phải hoàn trả lại cho anh Vũ Thế A số tiền 320.000.000,đ; anh Vũ Thế A phải hoàn trả lại cho anh Lê Quang T số tiền

342.000.000,đ (được trừ đi số tiền 20.000.000,đ anh Thế A đã nộp cho Cơ quan điều tra), anh Thế A còn phải tiếp tục hoàn trả cho anh Lê Quang T số tiền 322.000.000,đ.

- Trả lại cho anh Lê Quang T số tiền 20.000.000,đ do anh Vũ Thế A đã nộp cho Cơ quan điều tra là tiền anh Thế A bán xe ô tô cho anh T mà có.

(Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 10/5/2018).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thu H phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 22.500.000,đ (Hai hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phan Thị Lý